|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2025*

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH**

**DỰ THẢO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VỚI NGHỊ ĐỊNH SỐ 75/2019/NĐ-CP HIỆN HÀNH**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nghị định số 75/2019/NĐ-CP** | **Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2019/NĐ-CP** | **Thuyết minh** |
|  | **Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh** | |
| **Điều 3. Hình thức xử phạt vi phạm và biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính về cạnh tranh**  3. Ngoài các hình thức xử phạt theo quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính về cạnh tranh còn có thể bị buộc áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:  a) Buộc cải chính công khai;  b) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm;  c) Buộc cơ cấu lại doanh nghiệp lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền;  d) Buộc loại bỏ những điều khoản vi phạm pháp luật ra khỏi hợp đồng, thỏa thuận hoặc giao dịch kinh doanh;  đ) Buộc chia, tách, bán lại một phần hoặc toàn bộ vốn góp, tài sản của doanh nghiệp hình thành sau tập trung kinh tế;  e) Buộc chịu sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ hoặc các điều kiện giao dịch khác trong hợp đồng của doanh nghiệp nhận sáp nhập, doanh nghiệp mua lại, doanh nghiệp mới hình thành sau tập trung kinh tế;  g) Buộc cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu;  h) Buộc khôi phục các điều kiện phát triển kỹ thuật, công nghệ mà doanh nghiệp đã cản trở;  i) Buộc loại bỏ các điều kiện bất lợi đã áp đặt cho khách hàng;  k) Buộc khôi phục lại các điều khoản hợp đồng, hợp đồng đã thay đổi hoặc hủy bỏ mà không có lý do chính đáng;  l) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu. | **Điều 3. Hình thức xử phạt vi phạm và biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính về cạnh tranh**  3. Ngoài các hình thức xử phạt theo quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính về cạnh tranh còn có thể bị buộc áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:  a) Buộc cải chính công khai;  b) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm;  c) Buộc cơ cấu lại doanh nghiệp lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền;  d) Buộc loại bỏ những điều khoản vi phạm pháp luật ra khỏi hợp đồng, thỏa thuận hoặc giao dịch kinh doanh;  đ) Buộc chia, tách, bán lại một phần hoặc toàn bộ vốn góp, tài sản của doanh nghiệp hình thành sau tập trung kinh tế;  e) Buộc chịu sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ hoặc các điều kiện giao dịch khác trong hợp đồng của doanh nghiệp nhận sáp nhập, doanh nghiệp mua lại, doanh nghiệp mới hình thành sau tập trung kinh tế;  g) Buộc cung cấp thông tin, tài liệu **đầy đủ, trung thực;**  h) Buộc khôi phục các điều kiện phát triển kỹ thuật, công nghệ mà doanh nghiệp đã cản trở;  i) Buộc loại bỏ các điều kiện bất lợi đã áp đặt cho khách hàng;  k) Buộc khôi phục lại các điều khoản hợp đồng, hợp đồng đã thay đổi hoặc hủy bỏ mà không có lý do chính đáng;  l) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;  **m) Buộc thực hiện đầy đủ điều kiện được thể hiện trong quyết định về tập trung kinh tế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Cạnh tranh.** | **Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm g khoản 3 Điều 3 và bổ sung điểm m vào sau điểm l khoản 3**  ***Lý do:*** Nhằm cụ thể hóa nội hàm của biện pháp khắc phục hậu quả trong việc cung cấp thông tin, tài liệu; đồng thời thể hiện đúng ý nghĩa của việc quy định biện pháp khắc phục hậu quả, đảm bảo việc tập trung kinh tế không làm tổn hại đến môi trường cạnh tranh. |
| **Điều 4. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính về cạnh tranh**  1. Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền là 10% tổng doanh thu của doanh nghiệp có hành vi vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm, nhưng thấp hơn mức phạt tiền thấp nhất đối với tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự.  2. Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm quy định về tập trung kinh tế là 05% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm.  3. Trường hợp tổng doanh thu của doanh nghiệp có hành vi vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 và khoản 2 của Điều này được xác định bằng 0 (không) thì áp dụng mức phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng. | **Điều 4. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính về cạnh tranh**  1. Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền là 10% tổng doanh thu của doanh nghiệp có hành vi vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm, nhưng thấp hơn mức phạt tiền thấp nhất đối với tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự.  2. Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm quy định về tập trung kinh tế là 05% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm.  **3. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với doanh nghiệp vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau:**  **a) Tổng doanh thu của doanh nghiệp có hành vi vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 và khoản 2 của Điều này được xác định bằng 0 (không);**  **b) Các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế có hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này không trên cùng thị trường liên quan; không kinh doanh ở các công đoạn khác nhau trong cùng một chuỗi sản xuất, phân phối, cung ứng đối với một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định và không có ngành, nghề kinh doanh là đầu vào của nhau hoặc bổ trợ cho nhau.** | **Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4** theo hướng làm rõ và tăng mức phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp trong trường hợp tổng doanh thu của doanh nghiệp có hành vi vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 và khoản 2 của Điều này được xác định bằng 0 và các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế có hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này không trên cùng thị trường liên quan; không kinh doanh ở các công đoạn khác nhau trong cùng một chuỗi sản xuất, phân phối, cung ứng đối với một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định và không có ngành, nghề kinh doanh là đầu vào của nhau hoặc bổ trợ cho nhau.  ***Lý do:***  Nhằm khắc phục bất cập trong thực tiễn xử phạt đối với doanh nghiệp, như trường hợp thị trường liên quan không được xác định theo các quy định hướng dẫn tại Mục 1 Chương II Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh. Việc đề xuất nâng mức phạt tiền tại khoản này là cần thiết và phù hợp do mức phạt tiền như quy định hiện nay là quá thấp, chưa tương xứng với tính chất và hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh; phù hợp với định hướng *“Xử lý nghiêm các hành vi làm hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền và cạnh tranh không lành mạnh” tại* mục III.2.1 của Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. |
| **Điều 4. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính về cạnh tranh**  4. Tổng doanh thu trên thị trường liên quan quy định tại các khoản 1 và khoản 2 của Điều này được xác định là tổng doanh thu của tất cả các thị trường liên quan đến hành vi vi phạm trong các trường hợp sau:  a) Các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế là các doanh nghiệp tham gia trong chuỗi sản xuất, phân phối, cung ứng đối với một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định hoặc ngành, nghề kinh doanh của các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế là đầu vào của nhau hoặc bổ trợ cho nhau;  b) Các doanh nghiệp tham gia thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm là các doanh nghiệp kinh doanh ở các công đoạn khác nhau trong cùng một chuỗi sản xuất, phân phối, cung ứng đối với một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định. | **4.** **Trong trường hợp các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế là các doanh nghiệp kinh doanh ở các công đoạn khác nhau trong cùng một chuỗi sản xuất, phân phối, cung ứng đối với một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định hoặc ngành, nghề kinh doanh của các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế là đầu vào của nhau hoặc bổ trợ cho nhau hoặc các doanh nghiệp tham gia thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm là các doanh nghiệp kinh doanh ở các công đoạn khác nhau trong cùng một chuỗi sản xuất, phân phối, cung ứng đối với một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định, thì tổng doanh thu trên thị trường liên quan quy định tại các khoản 1 và khoản 2 của Điều này được xác định là tổng doanh thu của tất cả các thị trường liên quan đến hành vi vi phạm.** | **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4** theo hướng làm rõ việc xác định tổng doanh thu của doanh nghiệp tham gia TTKT trong một số trường hợp.  ***Lý do:*** Khắc phục nội dung có thể dẫn đến cách hiểu không chính xác trong việc xác định thị trường liên quan và tổng doanh thu trên thị trường liên quan. Việc sửa đổi nhằm thể hiện rõ hơn cách xác định tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong trường hợp các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế là các doanh nghiệp tham gia trong chuỗi sản xuất, phân phối, cung ứng đối với một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định hoặc ngành, nghề kinh doanh của các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế là đầu vào của nhau hoặc bổ trợ cho nhau hoặc các doanh nghiệp tham gia thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm là các doanh nghiệp kinh doanh ở các công đoạn khác nhau trong cùng một chuỗi sản xuất, phân phối, cung ứng đối với một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định. |
| **Điều 4. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính về cạnh tranh**  8. Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó.  Nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt.  Đối với mỗi tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng, mức tiền phạt xác định theo quy định tại khoản này được điều chỉnh giảm hoặc tăng tương ứng không quá 15% mức trung bình của khung hình phạt. | 8. Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó.  Nếu có 01 tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt cụ thể được xác định trong khoảng từ trên mức tối thiểu đến dưới mức trung bình của khung tiền phạt, nhưng không thấp hơn mức trung bình của mức tối thiểu và mức trung bình của khung hình phạt. Trường hợp có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên thì áp dụng mức tối thiểu của khung tiền phạt.  Nếu có 01 tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt cụ thể được xác định trong khoảng từ trên mức trung bình đến dưới mức tối đa của khung tiền phạt, nhưng không cao hơn mức trung bình của mức tối đa và mức trung bình của khung hình phạt. Trong trường hợp có từ 02 tình tiết tăng nặng trở lên, thì áp dụng mức tối đa của khung tiền phạt.  Nếu vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ, thì giảm trừ một tình tiết tăng nặng với một tình tiết giảm nhẹ. | **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 4** theo hướng làm rõ định khung mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó.  ***Lý do:*** Việc lấy ngưỡng trung bình của khung tiền phạt là mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính và mức tăng/giảm 15% so với ngưỡng trung bình, tương ứng với mỗi tình tiết tăng nặng/giảm nhẹ như quy định hiện tại là chưa hợp lý.  Việc sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản này nhằm:  - Quy định rõ cách xác định mức tiền phạt trong từng trường hợp cụ thể có thể xảy ra trong thực tiễn.  - Góp phần bảo vệ quyền và lợi ích của tổ chức, cá nhân vi phạm khi có tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật.  - Góp phần nâng cao hiệu quả, tính răn đe của pháp luật cạnh tranh trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm có tình tiết tăng nặng thông qua chế tài phạt tiền (cách xác định mức tiền phạt). |
| **Điều 14. Hành vi không thông báo tập trung kinh tế**  Phạt tiền từ 01% đến 05% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm của từng doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế mà không thực hiện nghĩa vụ thông báo theo quy định tại Điều 33 của Luật Cạnh tranh. | **Điều 14. Hành vi không thông báo tập trung kinh tế**  Phạt tiền đối với từng doanh nghiệp vi phạm khi thực hiện hành vi không thông báo tập trung kinh tế theo quy định của Luật Cạnh tranh như sau:   1. Phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng đối với từng doanh nghiệp vi phạm có tổng tài sản trên thị trường Việt Nam hoặc tổng doanh thu bán ra, doanh số mua vào trên thị tường Việt Nam đạt từ 3.000 tỷ đồng trở lên trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện tập trung kinh tế, nhưng không vượt quá 05% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm.   2. Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với từng doanh nghiệp vi phạm có tổng tài sản trên thị trường Việt Nam hoặc tổng doanh thu bán ra, doanh số mua vào trên thị tường Việt Nam đạt dưới 3.000 tỷ đồng trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện tập trung kinh tế, nhưng không vượt quá 05% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm. | **Sửa đổi bổ sung Điều 14** theo hướng quy định mức phạt theo khung cố định đối với hành vi không thông báo tập trung kinh tế.  ***Lý do:*** Việc chuyển từ cơ chế xử phạt theo tỷ lệ phần trăm doanh thu sang **mức phạt tiền cố định** được đề xuất dựa trên các căn cứ sau:  ***Thứ nhất***, hành vi không thông báo tập trung kinh tế là **vi phạm về thủ tục hành chính**, không trực tiếp gây ra hậu quả hạn chế cạnh tranh đáng kể trên thị trường. Việc xử phạt theo khung tiền phạt cố định bảo đảm phù hợp tính chất vi phạm, tránh áp dụng mức phạt quá cao đối với các hành vi ít có ảnh hưởng nghiêm trọng đến tác động hạn chế cạnh tranh trên thị trường. Do đó, việc áp dụng **mức phạt tiền cố định với ngưỡng từ 1 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng** là phù hợp với nguyên tắc quy định mức xử phạt theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm được quy định trong pháp luật về cạnh tranh và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.  ***Thứ hai****,* cơ chế phạt tiền cố định giúp **đơn giản hóa thủ tục xử phạt**, tạo điều kiện cho cơ quan có thẩm quyền (Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia) **nhanh chóng, kịp thời xử lý hành vi vi phạm**, đặc biệt trong bối cảnh hành vi không thông báo chỉ cần căn cứ vào việc **đã phát sinh giao dịch thuộc ngưỡng thông báo nhưng không thực hiện nghĩa vụ**. Việc này **không đòi hỏi xác định thị trường liên quan**, tránh các tranh cãi pháp lý và kỹ thuật phức tạp, đồng thời **nâng cao hiệu quả thực thi và giảm thiểu chi phí hành chính** cho cả cơ quan quản lý và doanh nghiệp. Đặc biệt, điều này khắc phục được khó khăn trong quá trình thực thi đối với một số vụ việc cụ thể, việc xác định thị trường liên quan (i) gặp nhiều khó khăn do thiếu thông tin, cấu trúc ngành phức tạp, hoặc các hoạt động kinh doanh mang tính chất xuyên biên giới, đa ngành, (ii) không thể xác định thị trường liên quan theo quy định hiện hành do các bên tham gia TTKT không có hoạt động kinh doanh trùng lắp, đầu vào, đầu ra, bổ trợ cho nhau.  ***Thứ ba***, mức phạt cố định được quy định ở mức vẫn bảo đảm **tính răn đe cần thiết**, nhất là đối với các doanh nghiệp lớn, vốn là nhóm chủ yếu thuộc diện phải thông báo tập trung kinh tế. Mức phạt đề xuất theo hai khung từ 1 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng và từ 2 tỷ đồng đến 4 tỷ đồng đủ để tạo sức ép tuân thủ, nhưng vẫn đảm bảo không gây thiệt hại quá lớn cho doanh nghiệp trong các trường hợp vi phạm mang tính không cố ý, thiếu hiểu biết hoặc lỗi kỹ thuật.  ***Thứ tư****,* cơ chế xử phạt này cũng **tiệm cận thông lệ quốc tế**, khi nhiều quốc gia áp dụng **mức phạt hành chính cố định hoặc lũy tiến theo quy mô**, nhưng đều tách bạch giữa hành vi vi phạm thủ tục và hành vi có tác động gây hạn chế cạnh tranh trên thị trường. |
| **Điều 15. Hành vi vi phạm pháp luật về tập trung kinh tế khác**  1. Phạt tiền từ 0,5% đến 01% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm của từng doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Thực hiện tập trung kinh tế khi chưa có thông báo kết quả thẩm định sơ bộ của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật Cạnh tranh, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật Cạnh tranh;  b) Thực hiện việc tập trung kinh tế khi Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia chưa ra quyết định quy định tại Điều 41 của Luật Cạnh tranh trong trường hợp hành vi tập trung kinh tế phải thẩm định chính thức.  2. Phạt tiền từ 01% đến 03% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm của từng doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế đối với hành vi sau đây:  a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ điều kiện được thể hiện trong quyết định về tập trung kinh tế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 của Luật Cạnh tranh;  b) Thực hiện tập trung kinh tế trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 41 của Luật Cạnh tranh. | **Điều 15. Hành vi vi phạm pháp luật về tập trung kinh tế khác**  1. Phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng đối với từng doanh nghiệp vi phạm có tổng tài sản trên thị trường Việt Nam hoặc tổng doanh thu bán ra, doanh số mua vào trên thị tường Việt Nam đạt từ 3.000 tỷ đồng trở lên trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện tập trung kinh tế hoặc phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với từng doanh nghiệp vi phạm có tổng tài sản trên thị trường Việt Nam hoặc tổng doanh thu bán ra, doanh số mua vào trên thị tường Việt Nam đạt dưới 3.000 tỷ đồng trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện tập trung kinh tế, nhưng không vượt quá 05% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm khi thực hiện một trong các hành vi sau đây:  a) Thực hiện tập trung kinh tế khi chưa có thông báo kết quả thẩm định sơ bộ của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật Cạnh tranh, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật Cạnh tranh;  b) Thực hiện việc tập trung kinh tế khi Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia chưa ra quyết định quy định tại Điều 41 của Luật Cạnh tranh trong trường hợp hành vi tập trung kinh tế phải thẩm định chính thức.  2. Phạt tiền từ 01% đến 03% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm của doanh nghiệp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ điều kiện được thể hiện trong quyết định về tập trung kinh tế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Cạnh tranh.  3. Doanh nghiệp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này còn có thể bị buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:  Buộc thực hiện đầy đủ điều kiện được thể hiện trong quyết định về tập trung kinh tế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Cạnh tranh.  4. Phạt tiền từ 01% đến 05% tổng doanh thu trên thị trường liên quan của doanh nghiệp vi phạm trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi thực hiện tập trung kinh tế trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 41 Luật Cạnh tranh.  5. Doanh nghiệp vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này còn có thể bị buộc áp dụng hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng được quy định tại khoản 2 Điều 10; khoản 2, khoản 3 Điều 11; khoản 2 Điều 12 hoặc khoản 2, khoản 3 Điều 13 của Nghị định này. | **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 15**  theo hướng quy định mức phạt theo khung cố định  ***Lý do:*** Việc đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 15 nhằm hướng đến việc quy định điều chỉnh hành vi này theo cách tiếp cận có tính lô-gíc với quy định sửa đổi, bổ sung đã đề xuất tại Điều 14. Theo đó, Bộ Công Thương đề xuất khung phạt tiền tại khoản 1 và khoản 2 tương ứng với mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm quy định về tập trung kinh tế (Thực hiện tập trung kinh tế khi chưa có thông báo kết quả thẩm định sơ bộ của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật Cạnh tranh; thực hiện việc tập trung kinh tế khi Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia chưa ra quyết định quy định tại Điều 41 của Luật Cạnh tranh trong trường hợp hành vi tập trung kinh tế phải thẩm định chính thức; thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ điều kiện được thể hiện trong quyết định về tập trung kinh tế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Cạnh tranh).  **2. Bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 vào sau khoản 2**  ***Lý do:*** Bộ Công Thương cũng đề xuất quy định bổ sung 03 khoản tiếp theo vào sau khoản 2 tại Điều này nhằm cụ thể hoá các quy định về việc áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm. Đặc biệt, đề xuất quy định tại khoản 4 và khoản 5 nhằm cụ thể hóa việc phân hóa mức xử phạt theo tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi. Theo đó, các hành vi vi phạm quy định về tập trung kinh tế theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 41 Luật Cạnh tranh (tập trung kinh tế thuộc trường hợp bị cấm – trường hợp doanh nghiệp thực hiện tập trung kinh tế gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường liên quan) là những hành vi có tính chất nghiêm trọng hơn so với các vi phạm về tập trung kinh tế khác, do đó Bộ Công Thương đề xuất mức phạt tiền đối với các hành vi tập trung kinh tế thuộc trường hợp bị cấm cao hơn mức phạt tiền đối với các hành vi thuộc trường hợp vi phạm quy định về tập trung kinh tế khác. Theo đó, phạt tiền từ 01% đến 05% tổng doanh thu trên thị trường liên quan của doanh nghiệp vi phạm trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm. |
| **Điều 16. Hành vi xâm phạm thông tin bí mật trong kinh doanh**  2. Hình thức xử phạt bổ sung:  a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính về cạnh tranh;  **b) Tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm.** | **Điều 16. Hành vi xâm phạm thông tin bí mật trong kinh doanh**  2. Hình thức xử phạt bổ sung:  a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính về cạnh tranh; | **Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 16**  ***Lý do:***  Khắc phục khó khăn trong việc xác định khoản lợi nhuận thu được từ hành vi vi phạmdo: Thiếu căn cứ rõ ràng để xác định mối quan hệ nhân quả trực tiếp giữa hành vi vi phạm và lợi nhuận thu được; Doanh nghiệp không tách biệt riêng lợi nhuận từ hành vi vi phạm so với lợi nhuận hợp pháp thu được từ hoạt động kinh doanh thông thường; Một số hành vi như cung cấp thông tin sai lệch, lôi kéo khách hàng bất chính, cung cấp thông tin không trung thực về doanh nghiệp khác không tạo ra lợi nhuận trực tiếp, càng làm cho việc định lượng khoản lợi nhuận bất chính thêm bất khả thi. |
| **Điều 17, Điều 18**  4. Hình thức xử phạt bổ sung:  a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính về cạnh tranh;  b) Tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm. | **Điều 17, Điều 18**  4. Hình thức xử phạt bổ sung:  a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính về cạnh tranh; | **Bãi bỏ điểm b khoản 4 Điều 17, Điều 18**  ***Lý do:*** Tương tự điều 16 |
| **Điều 19. Hành vi gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác**  4. Hình thức xử phạt bổ sung:  **a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh có hiệu lực thi hành;**  b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính về cạnh tranh;  **c) Tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm.** | **Điều 19. Hành vi gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác**  4. Hình thức xử phạt bổ sung:  b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính về cạnh tranh; | **Bãi bỏ điểm a khoản 4 Điều 19**  ***Lý do:***  - Khắc phục quy định không rõ ràng về hình thức tước giấy phép, chứng chỉ hành nghề  Với quy định về hình thức xử phạt bổ sung *“tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn”* tại Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 75/2019/NĐ-CP, áp dụng đối với hành vi gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác và hành vi lôi kéo khách hàng bất chính, không xác định rõ loại giấy phép, chứng chỉ nào sẽ bị áp dụng, gây khó khăn trong áp dụng thực tế vì mỗi ngành nghề có quy chuẩn và thẩm quyền cấp phép khác nhau, dễ dẫn đến việc áp dụng không thống nhất hoặc vượt thẩm quyền trong quá trình thực thi.  - Khắc phục khó khăn trong việc xác định khoản lợi nhuận thu được từ hành vi vi phạm do: Thiếu căn cứ rõ ràng để xác định mối quan hệ nhân quả trực tiếp giữa hành vi vi phạm và lợi nhuận thu được. |
| **Điều 20. Hành vi lôi kéo khách hàng bất chính**  3. Hình thức xử phạt bổ sung:  **a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;**  b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính về cạnh tranh;  **c) Tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm.** | **Điều 20. Hành vi lôi kéo khách hàng bất chính**  3. Hình thức xử phạt bổ sung:  b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính về cạnh tranh; | **Bãi bỏ điểm a và c khoản 3 Điều 20;**  ***Lý do:*** Tương tự Điều 19 |
| **Điều 22. Hành vi vi phạm quy định về cung cấp thông tin, tài liệu**  1. Phạt cảnh cáo đối với bên bị điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về hành vi cung cấp thông tin, tài liệu không đúng thời hạn theo yêu cầu của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh.  2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với bên bị điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về hành vi cung cấp không đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh.  3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với bên bị điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về một trong các hành vi sau đây:  a) Không cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh;  b) Cung cấp thông tin, tài liệu gian dối hoặc làm sai lệch thông tin, tài liệu;  c) Cưỡng ép người khác cung cấp thông tin, tài liệu gian dối;  d) Che giấu, tiêu hủy các thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc cạnh tranh.  4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu. | **Điều 22. Hành vi vi phạm quy định về cung cấp thông tin, tài liệu**  1. Phạt cảnh cáo đối với bên bị điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về hành vi cung cấp thông tin, tài liệu không đúng thời hạn theo yêu cầu của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh.  2. **Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với bên bị điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ việc cạnh tranh, các bên tham gia tập trung kinh tế, các bên nộp hồ sơ thông báo tập trung kinh tế, các bên nộp hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm về hành vi cung cấp không đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh.**  **3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với bên bị điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ việc cạnh tranh, các bên tham gia tập trung kinh tế, các bên nộp hồ sơ thông báo tập trung kinh tế, các bên nộp hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm về một trong các hành vi sau đây:**  a) Không cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh;  b) Cung cấp thông tin, tài liệu gian dối, không trung thực hoặc làm sai lệch thông tin, tài liệu;  c) Cưỡng ép người khác cung cấp thông tin, tài liệu gian dối, không trung thực hoặc làm sai lệch thông tin, tài liệu;  d) Che giấu, tiêu hủy các thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc cạnh tranh.  4. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc cung cấp thông tin, tài liệu **đầy đủ, trung thực.**  **5. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia quyết định bãi bỏ thông báo về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ thông báo tập trung kinh tế; thông báo kết quả thẩm định sơ bộ việc tập trung kinh tế hoặc quyết định về việc tập trung kinh tế nếu phát hiện một hoặc các bên nộp hồ sơ thông báo tập trung kinh tế cung cấp thông tin, tài liệu gian dối, không trung thực hoặc làm sai lệch thông tin, tài liệu.** | **1**. **Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 22** về khung hình phạt đối với hành vi vi phạm quy định về cung cấp thông tin, tài liệu theo hướng tăng khung hình phạt (khoản 2) và làm rõ đối tượng xử phạt (khoản 3).  **Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “*Buộc cung cấp thông tin, tài liệu đầy đủ, trung thực*” vào khoản 4.**  ***Lý do:***  Nhằm hoàn thiện khung pháp lý xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh, bảo đảm tính minh bạch và chính xác trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thông báo tập trung kinh tế, với các lý do như sau:  ***Thứ nhất*,** theo quy định tại Điều 33 và Điều 34 Luật Cạnh tranh, nghĩa vụ thông báo tập trung kinh tế không chỉ dừng ở việc nộp hồ sơ, mà còn bao gồm yêu cầu cung cấp **đầy đủ, chính xác và trung thực** các thông tin, tài liệu liên quan đến giao dịch tập trung kinh tế. Việc doanh nghiệp cố ý cung cấp thông tin sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc thiếu trung thực có thể **làm sai lệch kết quả thẩm định,** từ đó gây ảnh hưởng tới kết quả thẩm định tập trung kinh tế của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia. Tuy nhiên, hiện nay Nghị định số 75/2019/NĐ-CP **chưa có quy định xử phạt riêng đối với hành vi này,** tạo ra khoảng trống pháp lý trong xử lý và phòng ngừa các vi phạm có tính chất gian dối, gây rủi ro lớn cho hiệu quả thực thi chính sách cạnh tranh.  ***Thứ hai,*** hành vi cung cấp thông tin không trung thực trong hồ sơ thông báo tập trung kinh tế, hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm là hành vi **vi phạm cố ý, mang tính lừa dối,** thường có mục đích che giấu các tác động hoặc khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh để tránh bị kiểm soát bởi cơ quan cạnh tranh; thậm chí một số doanh nghiệp đã vi phạm nghĩa vụ về thông báo TTKT theo quy định tại Điều 33 Luật Cạnh tranh nhưng vẫn che giấu và thực hiện việc thông báo sau khi đã hoàn thành giao dịch TTKT. Do đó, cần được xử lý bằng chế tài riêng, có mức phạt tương xứng để đảm bảo tính răn đe.  **2. Bổ sung khoản 5 vào Điều 22**  ***Lý do:* V**iệc bổ sung quy định “*Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia quyết định bãi bỏ thông báo về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ thông báo tập trung kinh tế; thông báo kết quả thẩm định sơ bộ việc tập trung kinh tế hoặc quyết định về việc tập trung kinh tế nếu phát hiện một hoặc các bên nộp hồ sơ thông báo tập trung kinh tế cung cấp thông tin, tài liệu gian dối, không trung thực hoặc làm sai lệch thông tin, tài liệu”*là cần thiết để đảm bảo hiệu lực thực tế của công tác quản lý nhà nước. Cơ quan cạnh tranh cần có thẩm quyền yêu cầu doanh nghiệp cung cấp lại thông tin, hồ sơ trung thực, đồng thời có thể **thu hồi các kết luận, thông báo, hoặc quyết định hành chính** đã ban hành dựa trên thông tin sai lệch, nhằm bảo vệ tính chính xác và công bằng của quy trình kiểm soát tập trung kinh tế. Việc này không chỉ góp phần khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm mà còn giúp **duy trì sự tin cậy, minh bạch và trách nhiệm trong toàn bộ hệ thống thực thi pháp luật cạnh tranh.** |
| **Điều 26. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về tập trung kinh tế và cạnh tranh không lành mạnh**  Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có các thẩm quyền sau đây:  **1. Phạt cảnh cáo;**  2. Phạt tiền;  3. Áp dụng một hoặc một số hình thức xử phạt bổ sung quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 3 Nghị định này;  4. Áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ, e, h, i và k khoản 3 Điều 3 Nghị định này;  5. Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 Nghị định này. | **Điều 26. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về tập trung kinh tế và cạnh tranh không lành mạnh**  Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có các thẩm quyền sau đây:  2. Phạt tiền;  3. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại điểm **b khoản 2 Điều 3 Nghị định này**;  4. Áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, đ, e và m khoản 3 Điều 3 Nghị định này;  5. Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 Nghị định này. | **1. Bãi bỏ hình thức “*Phạt cảnh cáo*” tại khoản 1 Điều 26**  ***Lý do:*** Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 75/2019/NĐ-CP quy định Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có thẩm quyền “phạt cảnh cáo” khi xử phạt vi phạm hành chính về tập trung kinh tế và cạnh tranh không lành mạnh. Tuy nhiên, đối chiếu với các quy định về hình thức và mức xử phạt cụ thể tại các điều từ Điều 10 đến Điều 15 (hành vi vi phạm quy định về tập trung kinh tế), từ Điều 16 đến Điều 21 (hành vi vi phạm quy định về cạnh tranh không lành mạnh) tại Mục 3 Chương II của Nghị định số 75/2019/NĐ-CP cho thấy không có hành vi vi phạm nào về tập trung kinh tế hay cạnh tranh không lành mạnh được quy định có áp dụng hình thức phạt cảnh cáo. Như vậy, mặc dù có quy định về thẩm quyền chung nhưng tại từng Điều khoản cụ thể về hình thức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm lại không có quy định hình thức “Cảnh cáo”.  **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 theo hướng bãi bỏ hình thức xử phạt bổ sung tại điểm a, c khoản 2 Điều 3**  ***Lý do:*** Đề xuất bãi bỏ một số biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều này (*buộc khôi phục các điều kiện phát triển kỹ thuật, công nghệ mà doanh nghiệp đã cản trở; buộc loại bỏ các điều kiện bất lợi đã áp đặt cho khách hàng; buộc khôi phục lại các điều khoản hợp đồng, hợp đồng đã thay đổi hoặc hủy bỏ mà không có lý do chính đáng*) và bổ sung biện pháp “*Buộc thực hiện đầy đủ điều kiện được thể hiện trong quyết định về tập trung kinh tế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41* *Luật Cạnh tranh*” xuất phát từ bản chất của hành vi vi phạm hành chính về tập trung kinh tế và cạnh tranh không lành mạnh, bản chất các các biện pháp khắc phục hậu quả được nêu ở trên cùng tính khả thi trong việc áp dụng trên thực tiễn. |
| **Điều 27.Thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm hành chính về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền**  Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh có các thẩm quyền sau đây:  **1. Phạt cảnh cáo;**  2. Phạt tiền;  3. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định này;  4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, e, h, i và k khoản 3 Điều 3 Nghị định này. | **Điều 27. Thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm hành chính về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền**  Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh có các thẩm quyền sau đây:  2. Phạt tiền;  3. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định này;  4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, e, h, i và k khoản 3 Điều 3 Nghị định này. | **1. Bãi bỏ hình thức “*Phạt cảnh cáo*” tại khoản 1 Điều 27**  ***Lý do:***  - Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 75/2019/NĐ-CP quy định Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh có thẩm quyền “phạt cảnh cáo” khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh. Tuy nhiên, đối chiếu với các quy định về hình thức và mức xử phạt cụ thể đối với từng hành vi vi phạm quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền (*từ Điều 6 đến Điều 9*) không có quy định áp dụng hình thức “phạt cảnh cáo”. Điều này tạo ra tính không thống nhất giữa các quy định về thẩm quyền xử phạt cảnh cáo của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh và việc áp dụng hình thức phạt cảnh cáo đối với các hành vi vi phạm cụ thể dẫn đến có thể có nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau.  - Bãi bỏ hình phạt cảnh cáo tương tự quy định tại khoản 1 Điều 27 bởi các hành vi vi phạm trong lĩnh vực cạnh tranh đều mang tính nghiêm trọng, có thể ảnh hưởng đến cấu trúc thị trường, gây thiệt hại cho doanh nghiệp và người tiêu dùng, làm suy giảm hiệu quả cạnh tranh. Do đó, việc áp dụng hình thức phạt cảnh cáo là không phù hợp với bản chất của hành vi, làm suy giảm tính răn đe của pháp luật và không bảo đảm hiệu lực thi hành.  **2. Bãi bỏ hình thức phạt bổ sung tại điểm b khoản 2 Điều 3**  ***Lý do:*** Đối với các hành vi vi phạm hành chính về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền, việc tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm là có thể thực hiện được do có thể xác định được khoản lợi nhuận bất chính này. Trong khi đó, việc tịch thu tang vật vi phạm, phương tiện được sử dụng để vi phạm không mang nhiều ý nghĩa. Điều này xuất phát từ thực tế, trong các vụ việc thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền, các doanh nghiệp thường bắt tay, cấu kết với nhau qua các hình thức tinh vi và thường không để lại chứng cứ (thư điện tử, trao đổi trực tiếp,...) hoặc doanh nghiệp đơn phương áp đặt hành vi. Chính vì vậy, việc quy định hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật vi phạm, phương tiện được sử dụng để vi phạm trên thực tế chỉ mang tính hình thức.  **3. Bãi bỏ một số biện pháp khắc phục hậu quả tại khoản 4** *“Buộc cải chính công khai”* hay *“Buộc chịu sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ hoặc các điều kiện giao dịch khác trong hợp đồng của doanh nghiệp nhận sáp nhập, doanh nghiệp mua lại, doanh nghiệp mới hình thành sau tập trung kinh tế”*.  ***Lý do:*** Việc quy định áp dụng một số biện pháp khắc phục hậu quả như *“Buộc cải chính công khai”* hay *“Buộc chịu sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ hoặc các điều kiện giao dịch khác trong hợp đồng của doanh nghiệp nhận sáp nhập, doanh nghiệp mua lại, doanh nghiệp mới hình thành sau tập trung kinh tế”* cũng là những quy định mang tính hình thức, do vậy đề xuất bãi bỏ để đảm bảo hiệu quả thực thi của các quy định trên thực tế. |
| **Điều 28. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác**  1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực cạnh tranh đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng đối với cá nhân và 1.000.000 đồng đối với tổ chức;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm g khoản 3 Điều 3 Nghị định này.  2. Chánh thanh tra Bộ Công Thương, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức;  c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định này;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm g và điểm 1 khoản 3 Điều 3 Nghị định này.  3. Đối với hành vi quy định tại Điều 25 Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia và Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranhcó quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân và 50.000.000 đồng đối với tổ chức;  c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định này;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định này;  đ) Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 Nghị định này. | **Điều 28. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác**  3. Đối với hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác quy định tại Mục 5 Chương II của Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia và Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức;  c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định này;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a, điểm g và điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định này;  đ) Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 Nghị định này. | **1. Bãi bỏ khoản 1 và khoản 2 Điều 28**  ***Lý do:*** Trên cơ sở thay đổi về sắp xếp tổ chức bộ máy, Luật Xử lý vi phạm hành chính đã sửa đổi, bổ sung, cụ thể sửa đổi quy định liên quan đến thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác.  Bộ Công Thương không còn tổ chức thanh tra và cũng không thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành. Do vậy, thẩm quyền của các chức danh trên cần được bãi bỏ để phù hợp với các quy định liên quan vể tổ chức sắp xếp bộ máy (Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước). Trong khi đó, thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trong xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác được tích hợp và thể hiện đầy đủ thẩm quyền về mức phạt tại khoản 3.  **2. Đề xuất sửa đổi đoạn mở đầu khoản 3,** thay cụm từ *“quy định tại Điều 25 Nghị định này”* bằng cụm từ *“hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác quy định tại Mục 5 Chương II của Nghị định này”*  ***Lý do:*** Nhằm bao quát đầy đủ các hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác, mà không chỉ có hành vi quy định tại Điều 25. Theo đó, hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác gồm 04 hành vi quy định tại các điều từ Điều 22 đến Điều 25 Nghị định 75/2019/NĐ-CP. Quy định như tại khoản 3 hiện nay không bao quát được các hành vi: (i) Hành vi vi phạm quy định về cung cấp thông tin, tài liệu; (ii) Hành vi vi phạm các quy định khác liên quan đến quá trình điều tra và xử lý vụ việc cạnh tranh; (iii) Hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trước khi có quyết định cho hưởng miễn trừ của cơ quan có thẩm quyền. |
| **Điều 29. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính về cạnh tranh**  1. Thủ tục xử phạt hành vi vi phạm quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền, tập trung kinh tế và cạnh tranh không lành mạnh thực hiện theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.  2. Thủ tục xử phạt hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác thực hiện theo quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.  3. Trình tự, thủ tục áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả, các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính trong xử lý hành vi vi phạm hành chính về cạnh tranh áp dụng theo quy định của pháp luật cạnh tranh và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. | **Điều 29. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính về cạnh tranh**  1. Thủ tục xử phạt hành vi vi phạm quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền, tập trung kinh tế và cạnh tranh không lành mạnh thực hiện theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.  2. Thủ tục xử phạt hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác thực hiện theo quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.  **3. Trình tự, thủ tục áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả, các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính trong xử lý hành vi vi phạm hành chính về cạnh tranh áp dụng theo quy định của pháp luật cạnh tranh và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Trong trường hợp pháp luật cạnh tranh và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có quy định khác nhau về cùng một nội dung thì ưu tiên áp dụng pháp luật cạnh tranh. Trong trường hợp pháp luật cạnh tranh chưa có quy định về một nội dung cụ thể thì áp dụng quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính.** | **Bổ sung Khoản 3 Điều 29**  ***Lý do:*** Theo quy định tại khoản 3, việc áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả, các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính trong xử lý hành vi vi phạm hành chính về cạnh tranh được thực hiện theo quy định của pháp luật cạnh tranh và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Quy định này chưa bảo đảm tính rõ ràng về nguyên tắc áp dụng, có thể không đảm bảo tính minh bạch và nhất quán trong hoạt động thực thi pháp luật cạnh tranh, gây ra lúng túng trong thực tiễn thi hành trong trường hợp có sự khác biệt hoặc mâu thuẫn, xung đột giữa hai hệ thống pháp luật. Để đảm bảo tính thống nhất, minh bạch và hiệu quả trong quá trình áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả, các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính trong xử lý hành vi vi phạm hành chính về cạnh tranh, Bộ Công Thương đề xuất sửa đổi quy định tại khoản 3 theo hướng bổ sung nguyên tắc ưu tiên áp dụng pháp luật cạnh tranh trong trường hợp pháp luật cạnh tranh và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có quy định khác nhau về cùng một nội dung, chỉ trong trường hợp pháp luật cạnh tranh không có quy định, mới áp dụng quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. |
| **Điều 30. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác**  Khi phát hiện hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác quy định tại Mục 5 Chương II của Nghị định này, thanh tra viên, người được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, Thủ trưởng cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, Điều tra viên vụ việc cạnh tranh, Thư ký phiên điều trần phải tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính. | **Điều 30. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác**  Khi phát hiện hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác quy định tại Mục 5 Chương II của Nghị định này, thanh tra viên, Thủ trưởng cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, Điều tra viên vụ việc cạnh tranh, Thư ký phiên điều trần, người được giao thực hiện nhiệm vụ thẩm định sơ bộ, thẩm định chính thức vụ việc tập trung kinh tế, người được giao thực hiện nhiệm vụ xem xét hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm phải tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính. | **Sửa đổi, bổ sung Điều 30**  ***Lý do:*** Quy định như hiện tại chưa bao quát đầy đủ các chủ thể có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác.  Việc bổ sung quy định tại Điều này theo hướng mở rộng chủ thể có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác nhằm phù hợp với thực tiễn thực thi nhiệm vụ của các chủ thể này (trong việc thẩm định sơ bộ, thẩm định chính thức đối với các vụ việc tập trung kinh tế; trong việc xem xét hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm). |
| **Điều 33. Thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh**  4. Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có trụ sở, nơi cư trú hoặc nơi có tài sản của bên phải thi hành có trách nhiệm tổ chức thực hiện phần quyết định liên quan đến tài sản của quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo yêu cầu của bên được thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh. | **Điều 33. Thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh**  4. Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có trụ sở, nơi cư trú hoặc nơi có tài sản của bên phải thi hành có trách nhiệm tổ chức thực hiện phần quyết định liên quan đến tài sản của quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo yêu cầu của bên được thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, bao gồm cả số tiền lãi do chậm nộp phạt theo quy định.”.  b) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 như sau:  “5. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm thu tiền phạt và căn cứ vào quyết định xử phạt, số ngày chậm nộp phạt để tính và thu tiền chậm nộp phạt khi cá nhân, tổ chức nộp tiền phạt vi phạm hành chính về cạnh tranh. | **Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 33**  ***Lý do:*** Khắc phục bất cập về việc Nghị định số 75/2019/NĐ-CP chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước trong việc phối hợp với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về cạnh tranh để thu tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh, đồng thời, cũng chưa có cơ chế pháp lý để xử lý trường hợp tổ chức, cá nhân chậm nộp tiền phạt theo quyết định xử phạt. Trong khi đó, khoản 1 Điều 78 Luật Xử lý vi phạm hành chính đã quy định rõ về nghĩa vụ nộp phạt và lãi phát sinh do chậm nộp với mức 0,05%/ngày.  Sự thiếu vắng quy định tương thích trong Nghị định số 75/2019/NĐ-CP gây ra bất cập trong thực tiễn thi hành, dẫn đến việc chưa có cơ chế phối hợp hiệu quả giữa người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về cạnh tranh và Kho bạc Nhà nước. Việc không có quy định rõ về trách nhiệm thu và tính lãi có thể khiến cho các khoản phạt bị nộp chậm không bị truy thu đầy đủ, gây thất thoát ngân sách Nhà nước. Đồng thời, việc thiếu hướng dẫn cụ thể làm hạn chế hiệu lực thực thi các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh. Điều này cũng gây khó khăn cho các cơ quan thực thi khi không có căn cứ pháp lý để yêu cầu Kho bạc Nhà nước tính và thu lãi chậm nộp. |